

Số: 10/CV - CTF/2020

V/v: Giải trình số liệu kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4/2019 so với Q4/2018

TP. HCM, Ngày 20 Tháng 01 năm 2020

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: 218 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.37 26 26 26

Fax: 028.37 26 26 26

Website: www.cityford.com.vn

Mã chứng khoán: CTF

- Căn cứ vào TT 155/2015/TT-BTC ngày 06.10.2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại mục 4, mục 5 Điều 11:
 - 4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính 2018 đã công bố so với báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán; có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
 - d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
 - 5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính Q4/2019 và báo cáo Quý 4/2018 City Auto và hợp nhất



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CTF QUÝ 4 - NĂM 2019 SO VỚI QUÝ 4 NĂM 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	688,845,401,718	791,656,401,556	2,760,038,304,675	2,101,461,742,844
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		30,000,000	-	5,586,928,982	3,045,454,546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		688,815,401,718	791,656,401,556	2,754,451,375,693	2,098,416,288,298
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	644,855,006,944	712,888,939,914	2,577,007,053,669	1,932,213,566,552
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43,960,394,774	78,767,461,642	177,444,322,024	166,202,721,746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5,750,947	7,404,107	12,458,541,951	1,331,561,355
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7,499,440,401	5,035,210,201	26,897,323,301	15,152,245,175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,499,440,401	5,035,210,201	26,897,323,301	15,152,245,175
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	24,695,036,818	26,485,491,698	97,231,603,134	80,823,801,957
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6,318,805,258	8,868,647,578	35,358,079,291	31,578,398,904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,452,863,244	38,385,516,272	30,415,858,249	39,979,837,065
11. Thu nhập khác	31	VI.07	8,526,191,485	(5,502,543,797)	25,000,205,299	12,085,590,154
12. Chi phí khác	32	VI.08	5,776,969,098	(114,281,456)	7,094,660,948	1,015,666,529
13. Lợi nhuận khác	40		2,749,222,387	(5,388,262,341)	17,905,544,351	11,069,923,625
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,202,085,631	32,997,253,931	48,321,402,600	51,049,760,690
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2,682,339,674	4,378,738,977	5,684,551,887	7,914,443,885
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,519,745,957	28,618,514,954	42,636,850,713	43,135,316,805

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần CiTy Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 102,840,999,838VND nguyên nhân sau

+ Thị trường Ô tô biến động lớn trong Q4, cung nhiều hơn cầu.

+ Sức mua giảm

+ Các thương hiệu Ô tô tranh nhau bán ra nhằm mục đích giảm tồn kho.

+ Khoản thưởng từ Ford ghi nhận doanh thu Q4 giảm đáng kể so với Q4 2018

Giá vốn hàng bán giảm 68,033,932,970183,923,993,616 VND nguyên nhân do doanh thu giảm

+ Chi phí lãi vay tăng 2,464,230,200VND tỷ lệ tăng 49% do lãi suất tại các ngân hàng tăng từ 6% lên 8.5% -> lãi vay tăng

030797
CÔNG
CỔ PH
ITY A
ỨC- TP

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm nguyên nhân do

- Lương, thu nhập hưởng theo lãi gộp, lãi gộp giảm -> chi phí nhân sự giảm

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 5,452,863,244VND giảm 23 tỷ so với Q4/2018 do các nguyên nhân đã trình bày trên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 4/2019 SO VỚI QUÝ 4/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1,806,129,674,906	1,288,585,964,582	6,376,838,171,020	3,442,262,106,811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		10,707,178,610	11,987,363,636	51,180,052,151	40,553,999,668
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,795,422,496,296	1,276,598,600,946	6,325,658,118,869	3,401,708,107,143
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1,711,354,071,917	1,168,908,424,841	5,972,696,433,502	3,159,418,113,480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84,068,424,379	107,690,176,105	352,961,685,367	242,289,993,663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	213,818,666	9,874,684	753,813,519	29,261,023
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15,487,666,117	7,318,902,863	49,133,310,377	23,143,427,223
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,487,666,117	7,318,902,863	49,133,310,377	23,143,427,223
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	58,841,935,491	38,216,038,408	207,573,231,225	121,256,700,686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	23,172,741,535	17,660,795,389	100,635,201,696	64,354,679,831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13,220,100,098)	44,504,314,129	(3,626,244,412)	33,564,446,946
11. Thu nhập khác	31	VI.07	29,349,365,660	3,166,709,198	72,506,223,467	35,607,394,133
12. Chi phí khác	32	VI.08	12,491,777,780	256,096,474	15,403,272,152	846,324,520
13. Lợi nhuận khác	40		16,857,587,880	2,910,612,724	57,102,951,315	34,761,069,613
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,637,487,782	47,414,926,853	53,476,706,903	68,325,516,559
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1,511,345,886	6,147,600,876	11,125,610,309	10,598,140,798
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	1,188,830,655	-	1,034,262,546
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,126,141,896	40,078,495,322	42,351,096,594	56,693,113,215
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2,991,075,768	38,134,461,643	36,841,640,497	54,313,104,700
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(864,933,872)	1,944,033,679	5,509,456,097	2,380,008,515
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	66	2,119	872	2,860
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	66	2,119	872	1,300

Căn cứ vào số liệu bảng trên Công Ty Cổ Phần City Auto xin được giải trình các điểm thay trọng yếu trên báo cáo hợp nhất như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 517,543,710,324 VND tương đương 140% nguyên nhân do

- Hợp nhất Doanh thu Huynhdai Trường Chinh, Bình Phước, Huynhdai Trust&Bus
 - Giá vốn tăng tương ứng 542,445,647,076VND
 - Chi phí lãi vay tăng do những nguyên nhân đã được trình bày bên trên
 - Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao cụ thể : Chi phí thuê nhà, điện, nước, nhiên liệu, chi phí hành chính điều tăng do mức tăng chung của VN
 - Khai trương thêm đại lý Huynhdai Bình Phước và Huynhdai Trust & Bus vì vậy chi phí tăng so với Q4 2018
- + Lợi nhuận trước thuế 3,637,487,782 VND chủ yếu do các nguyên nhân nêu trên báo cáo riêng và Hợp nhất

Đây là giải trình các khoản thay đổi trọng yếu giữa số liệu báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2019 so với Quý 4 năm 2018 báo cáo City Auto và hợp nhất

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc
TRẦN TRUNG CHÁNH

